

Số: /QĐ-UBND

Cao Lộc, ngày tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Gia Cát, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021-2030, tỷ lệ 1/10.000

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Kiến trúc ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 23/3/2023 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Cao Lộc; Quyết định số 2274/QĐ-UBND ngày 31/12/2023 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Quyết định số 243/QĐ-UBND ngày 01/02/2023 của UBND huyện Cao Lộc về việc phê duyệt nhiệm vụ Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Gia Cát, huyện Cao Lộc, giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 156/NQ-HĐND ngày 25/10/2023 của UBND xã Gia Cát thông qua Đồ án Quy hoạch chung xã Gia Cát, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2021-2030, tỷ lệ 1/10.000;

Căn cứ Nghị quyết số 167-NQ/HU Ban Thường vụ Huyện ủy Cao Lộc ngày 27/3/2024 phiên họp thường kỳ tháng 3 năm 2024 (Kỳ họp thứ 45);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện tại Báo cáo số 362/BC-KT&HT ngày 12/4/2024.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Gia Cát, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021-2030, tỷ lệ 1/10.000 với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chung xây dựng xã Gia Cát, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021-2030, tỷ lệ 1/10.000.

2. Mục tiêu lập quy hoạch

- Cụ thể hóa quy hoạch tỉnh Lạng Sơn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 .
- Việc lập quy hoạch chung xây dựng xã phải đảm bảo đầy đủ các tiêu chí quốc gia về Nông thôn mới, mục tiêu đạt chuẩn Nông thôn mới theo quy định của Chính phủ và nhiệm vụ đã được phê duyệt.
- Trên cơ sở định hướng phát triển kinh tế - xã hội gắn với quá trình hiện đại hóa nông thôn về sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, phát triển dịch vụ, xác định các chỉ tiêu phát triển chung và cụ thể cho từng lĩnh vực của toàn xã, giữ gìn phát huy bản sắc văn hóa tập quán của địa phương, bảo vệ môi trường sinh thái... nhằm đảm bảo tính khả thi và phát triển bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn, tiến tới thu hẹp khoảng cách với cuộc sống đô thị.
- Nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật (giao thông, cấp điện, cấp nước...); xây dựng, cải tạo công trình; chỉnh trang làng xóm, cảnh quan.
- Đề xuất các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện.
- Xây dựng Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chung xây dựng xã, làm cơ sở pháp lý cho việc lập đề án, dự án đầu tư và là cơ sở để các cơ quan, chính quyền địa phương tổ chức quản lý, kiểm soát phát triển theo quy hoạch được duyệt và quy định của pháp luật.
- Thời hạn quy hoạch: từ năm 2021-2030 (10 năm).

3. Phạm vi nghiên cứu lập Quy hoạch

- Khu vực nghiên cứu quy hoạch thuộc xã Gia Cát, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn có ranh giới hành chính như sau:

- + Phía Bắc giáp các xã Hải Yến, Hòa Cư, Công Sơn;
- + Phía Nam giáp xã Tân Liên;
- + Phía Đông giáp xã Khánh Xuân, Mẫu Sơn của huyện Lộc Bình;
- + Phía Tây giáp xã Hợp Thành, huyện Cao Lộc; thành phố Lạng Sơn.

- Quy mô lập Quy hoạch chung xây dựng xã Gia Cát gồm toàn bộ diện tích trong đơn vị hành chính của xã khoảng: **3.324,62 ha** (*Trích niên giám thống kê Huyện Cao Lộc năm 2021*).

4. Quy mô dân số, các chỉ tiêu kỹ thuật chủ yếu quy hoạch

4.1. Quy mô dân số, lao động

Tổng dân số hiện trạng xã Gia Cát theo số liệu thống kê năm 2021 là 5.092 nhân khẩu. Dự kiến xã Gia Cát trong giai đoạn 2022-2030, tỷ lệ tăng tự nhiên khoảng 1,10%/năm. Khả năng dung nạp dân số tăng lên do quá trình phát triển đô thị của thành phố Lạng Sơn, xã Gia Cát được chú trọng đầu tư xây dựng tạo động lực thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Đến năm 2030 dự kiến tăng dân số cơ học của xã khoảng 1,50%/năm. Khả năng dung nạp cơ học dự kiến 1.200 người.

Nguồn nhân lực hiện trạng của xã là có 2.925 người, chiếm 58,13% dân số chung của xã. Trong giai đoạn từ nay đến 2030, tỷ lệ này đạt 60,0%. Dự báo:

Năm 2025 số lao động đạt khoảng 59% tương đương 4.124 người/ 6.989 người quy hoạch.

Năm 2030 số lao động đạt khoảng 60% tương đương 4.590 người/ 7.651 người quy hoạch. (*Phụ lục 1: Bảng tính dự báo dân số quy hoạch*)

4.2. Các chỉ tiêu kỹ thuật chủ yếu quy hoạch đến năm 2030

(*Phụ lục 2: Các chỉ tiêu kỹ thuật chủ yếu quy hoạch đến năm 2030*)

4.3. Tiềm năng, động lực phát triển xã Gia Cát

Chi tiết theo thuyết minh.

5. Quy hoạch sử dụng đất

Diện tích lập quy hoạch khoảng 3.324,62 ha. Được phân bố theo 3 chức năng sử dụng đất chính như sau:

- Đất nông nghiệp khoảng 2.915,06 ha, chiếm tỷ lệ 87,68%.
- Đất xây dựng khoảng 357,77 ha, chiếm tỷ lệ 10,76%.
- Đất khác khoảng 51,79 ha, chiếm tỷ lệ 1,56%.

(*Phụ lục 3: Bảng cơ cấu chức năng sử dụng đất*)

6. Quy hoạch không gian tổng thể toàn xã

6.1. Định hướng tổ chức khu trung tâm xã, khu dân cư và cải tạo thôn

- Quy hoạch không gian trung tâm xã trên cơ sở lựa chọn các giải pháp phù

hợp với điều kiện kinh tế, xã hội và hiện trạng của địa phương. Theo đó trong giai đoạn tới quy hoạch trung tâm xã theo hướng:

- Là trung tâm hành chính, văn hóa với các tiện nghi về hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật;

- Phân bố các khu chức năng chặt chẽ, mạng lưới giao thông và phân bố dân cư hợp lý, phù hợp với điều kiện tự nhiên, sử dụng hợp lý quỹ đất xây dựng tạo nên không gian quy hoạch - kiến trúc, cảnh quan hiện đại, phù hợp với cảnh quan thiên nhiên và môi trường xã hội;

- Đối với công trình công cộng: Quy hoạch tổng hợp các công trình hành chính, văn hóa, thể thao, giáo dục vào khu vực trung tâm xã tạo nên sự thuận lợi về mặt tổ chức, quản lý hành chính và tạo bộ mặt kiến trúc cảnh quan cho trung tâm xã;

- Cây xanh khuôn viên: Tổ chức trồng các loại cây theo từng bậc từ thấp đến cao tạo sự thông thoáng đối với khu dân cư nông thôn.

6.2. Định hướng tổ chức hệ thống công trình công cộng, hạ tầng xã hội

- Hoàn thiện hệ thống công trình hạ tầng xã hội và các công trình phục vụ sản xuất kết hợp dịch vụ.

- Các công trình quan trọng như UBND, trụ sở công an xã, trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã, trạm y tế, trường học và công trình tôn giáo được tập trung ở trung tâm xã, nhằm đảm bảo sự thuận tiện trong việc di chuyển cho các thôn trong bán kính phục vụ.

- Trung tâm của từng thôn được xác định bằng các công trình như nhà văn hóa và sân thể dục thể thao thôn được tập trung, nhằm tạo ra một không gian trung tâm cho thôn làm nơi giao lưu và hội tụ của cộng đồng.

6.3. Định hướng tổ chức công trình dịch vụ thương mại, du lịch và tiểu thủ công nghiệp

Các thông số chi tiết theo thuyết minh.

6.4. Định hướng tổ chức không gian quy hoạch kiến trúc khu dân cư mới và chỉnh trang khu dân cư cũ

Các thông số chi tiết theo thuyết minh.

6.5. Định hướng quy hoạch các khu tôn giáo, di tích

- Quy hoạch xây dựng các không gian văn hóa, để khai thác và phát huy các giá trị văn hóa của làng, xã:

- Mở rộng khuôn viên chùa Bắc Nga: bao gồm khuôn viên chùa

- Các khu vực đình, chùa hiện có của các thôn, sẽ được giữ nguyên theo hiện trạng. Duy trì sự đa dạng và độc đáo của di sản văn hóa trong khu vực.

6.6. Định hướng các khu vực sản xuất và phục vụ sản xuất nông nghiệp, khu công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

6.6.1. Quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp

- Phân bố, phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp trên toàn xã thành các

vùng trồng lúa. Đồng thời, phát triển hệ thống kênh mương tưới tiêu khu vực trồng lúa tại các thôn trên địa bàn xã, nhằm đảm bảo nguồn nước tưới tiêu cho vùng sản xuất lúa.

- Vùng sản xuất, trồng cây ăn quả, rau sạch,... đáp ứng đủ tiêu chuẩn Vietgap với quy mô diện tích khoảng 156ha tập trung chủ yếu tại thôn Bắc Đông II và cánh đồng thôn Cổ Lương và thôn Hợp Tân.

- Vùng sản xuất Hôi, Keo, Thông tại các thôn trong xã có quy mô diện tích khoảng 1.500ha.

- Vùng trồng cây ăn quả khác: phát triển tại thôn dựa trên nền khu vực đã có sẵn.

- Tuy nhiên, quá trình đô thị hóa cần diện tích các loại đất nông nghiệp bị thu hẹp cần chuyển đổi cơ cấu lao động nông nghiệp sang sản xuất công nghiệp dịch vụ phù hợp với từng giai đoạn kinh tế địa phương.

6.6.2. Quy hoạch sản xuất tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ

- Quy hoạch xây dựng các công trình sản xuất và phục vụ sản xuất phải phù hợp với tiềm năng phát triển sản xuất của xã: tiềm năng đất đai; tiềm năng phát triển công nghiệp vật liệu xây dựng, khai thác gỗ, cát, sỏi, chế biến lương thực, thực phẩm, cơ khí nhỏ; các điều kiện cần cho sản xuất như thị trường tiêu thụ, khả năng huy động vốn, các công nghệ có thể áp dụng, hạ tầng kỹ thuật.

- Bố trí các công trình sản xuất theo nguyên tắc: những cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp không gây độc hại có thể bố trí trong khu ở, tại các nhà phụ của từng hộ gia đình nhưng không được để nước thải và tiếng ồn gây ô nhiễm; các công trình sản xuất và phục vụ sản xuất có tác động xấu tới môi trường phải bố trí ngoài khu ở, gần đầu mối giao thông, thành các cụm sản xuất; Giữa khu sản xuất và khu ở yêu cầu phải có khoảng cách ly phù hợp với đặc điểm, quy mô của công trình sản xuất.

- Định hướng phát triển tiểu thủ công nghiệp, sản xuất vật liệu:

- + Dự kiến mở rộng và quy hoạch mới cơ sở sản xuất phi nông nghiệp với tổng diện tích khoảng 13,77ha: bao gồm các hợp tác xã sản xuất, sản xuất vật liệu xây dựng.

- + Quy hoạch khu vực sản xuất vật liệu xây dựng với quy mô khoảng 24,30ha.

7. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật

7.1. Quy hoạch giao thông

Căn cứ vào địa hình, thực trạng và nhu cầu phát triển trong tương lai xã cần tiếp tục hoàn thiện và đầu tư làm mới các tuyến đường giao thông từ trung tâm xã đến các thôn, đảm bảo phương tiện di chuyển 2 chiều, đạt chuẩn đường GTNT theo tiêu chí của bộ tiêu chí Quốc Gia về quy hoạch nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao.

(Phụ lục 4 Bảng thống kê khối lượng giao thông)

7.2. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật

7.2.1. Cao độ nền xây dựng

- Cao độ không chế nền xây dựng phù hợp với cao độ các tuyến đường, các khu dân cư hiện có;
- Tôn trọng hiện trạng, giữ gìn lớp đất màu và cảnh quan hiện có.
- Thiết kế san nền đảm bảo thoát nước tốt, không bị ngập lụt.
- Khi san lấp các ao hồ trong khu dân cư cần nghiên cứu và cân nhắc tránh gây ngập úng cục bộ.
- Tận dụng khối lượng nạo vét mương cho tôn nền.
- Những khu vực dự kiến mở rộng trong giai đoạn nghiên cứu này phải hài hòa với những khu vực đã xây dựng, nhưng cần tuân thủ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng Việt Nam hiện hành.
- Về san nền: Tôn trọng địa hình hiện có, đảm bảo khu vực không bị ảnh hưởng của thiên tai như ngập do lũ, sạt lở... khối lượng đào đắp ít nhất, cân bằng được khối lượng đào đắp tại chỗ.
- Về thoát nước mưa: Tiếp tục xây dựng hệ thống thoát nước mưa hoàn chỉnh. Hoạt động trên nguyên tắc tự chảy là chính, thoát nhanh, thoát hết nước mưa trong các khu vực đã được Quy hoạch.

7.2.2. Thoát nước mưa

- Nước mưa được thu gom và tập trung vào các tuyến cống chính, sau đó chảy vào hệ thống kênh mương và thoát ra sông, suối.
- Lưu vực thoát nước chia khu vực nghiên cứu thành 2 lưu vực chính được phân tách bằng đường Quốc lộ 4B.
 - + Lưu vực 1: Được hình thành từ phía Bắc cho đến quốc lộ 4B, nước mưa được thu gom vào hệ thống rãnh hở, rãnh nắp đan sau đó được xả ra hệ thống suối hiện trạng.
 - + Lưu vực 2: Được hình thành từ quốc lộ 4B cho đến sông Kỳ Cùng, nước mưa được thu gom bằng hệ thống rãnh nắp sau đó được xả ra sông Kỳ Cùng.

7.3. Quy hoạch cấp nước

- Mạng lưới đường ống phân phối và dịch vụ được thiết kế theo nguyên tắc là mạng vòng kết hợp mạng cụt. Các công trình được cấp nước trực tiếp từ mạng dịch vụ.
- Tuyến ống truyền dẫn D800 từ Nhà máy nước Bản Lải chạy dọc theo tuyến quốc lộ 4B mới.
- Các tuyến ống phân phối có kích thước D110mm÷D300mm được xây dựng dọc theo đường chính khu dân cư. Các tuyến ống này được bao trùm toàn bộ các công trình có nhu cầu dùng nước lớn đảm bảo cung cấp nước an toàn và ổn định cho khu vực khu đất.

- Bố trí các trạm bơm lấy nguồn nước từ sông Kỳ Cùng, các suối hiện trạng để phục vụ sản xuất của người dân.

7.4. Quy hoạch cấp điện

- Lưới điện cao áp:

Giữ nguyên hướng tuyến của đường điện cao áp 110KV.

- Lưới trung áp:

+ Các tuyến điện 22kv hiện có đang vận hành cấp điện cho các phụ tải một số khu vực trong xã giữ nguyên, còn phần lớn các tuyến đường điện 22kv điều chỉnh nắn tuyến theo đường quy hoạch mới.

+ Xây dựng mới đường dây 22 KV với đường trục: sử dụng dây nhôm lõi thép có tiết diện $\geq 120 \text{ mm}^2$; Đường nhánh chính: cấp điện 3 pha và một pha cho xã, thôn, xóm dùng dây nhôm lõi thép có tiết diện $\geq 70 \text{ mm}^2$.

- Trạm biến áp:

+ Trên cơ sở nhu cầu dùng điện và phân bố dân cư phân bố tương đối rải rác trên địa bàn xã Gia Cát. Đề xuất cải tạo, nâng cấp đồng thời xây mới 44 trạm biến áp với tổng công suất 3.150,41 KVA với công suất mỗi trạm từ 180-560kVA.

+ Máy biến áp dùng loại 3 pha 4 dây. Các trạm biến áp cải tạo và xây dựng mới dùng kết cấu trạm treo để đảm bảo an toàn lưới điện và trạm biến áp trong khu vực phân lũ.

- Lưới điện 0,4kV:

+ Mạng lưới hạ áp mới xây dựng sẽ được đi cáp nổi ABC, tiết diện đảm bảo: từ 4xABC-70 ÷ 4xABC-120. Đi trên cột bê tông ly tâm, các đoạn trùng với tuyến trung thế có thể đi chung cột.

+ Trên các cột hạ thế lắp đặt mới các hòm công tơ composit loại 4-6 công tơ tùy theo vị trí cụ thể. Dây sau công tơ nên chuẩn hoá loại 2x16 hoặc 2x25mm².

- Lưới chiếu sáng:

+ Các trục đường liên thôn tuyến chiếu sáng bố trí đi chung cột với tuyến điện hạ thế 0,4kv cấp điện cho sinh hoạt. Chiếu sáng bằng đèn LED tiết kiệm điện năng.

7.5. Quy hoạch Thoát nước thải, xử lý chất thải rắn và nghĩa trang

7.5.1. Thoát nước thải

- Khu vực dân cư hiện trạng nằm phía bắc cách xa trung tâm xã: Hệ thống thoát nước sinh hoạt dự kiến là hệ thống thoát nước chung. Nước thải từ các hộ

gia đình trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung phải được xử lý qua bể tự hoại. Không được xả nước thải ra các ao hồ, kênh, rạch tự nhiên.

- Khu vực dân cư nằm trong khu vực dân cư tập trung của xã: Hệ thống thoát nước sinh hoạt dự kiến là hệ thống thoát nước riêng. Nước thải từ các hộ gia đình trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung phải được xử lý qua bể tự hoại sau đó được dẫn về trạm xử lý nước thải số 01 được bố trí tại phía Tây Bắc theo định hướng quy hoạch phân khu Nà Chuông – Bình Cầm và trạm xử lý nước thải số 02 phía Nam.

- Dự kiến công suất trạm xử lý nước thải số 01 khoảng **3000m³/ngđ** và công suất trạm xử lý nước thải số 02 khoảng **500m³/ng.đ**.

- Nước thải sản xuất các hộ gia đình có chăn nuôi tập trung, sẽ xử lý phân gia súc và nước rửa chuồng trại bằng các bể Biogas, để tạo khí đốt phục vụ sinh hoạt cũng như làm sạch vệ sinh môi trường chuồng trại. Cặn lắng sau bể Biogas được xử lý đạt tiêu chuẩn tại hộ gia đình trước khi thoát vào hệ thống thoát nước bên ngoài.

- Nước thải công nghiệp: Nước thải các nhà máy phải được xử lý đạt cột B theo QCVN 40:2011 trước khi xả ra môi trường bên ngoài.

- Nước thải y tế: Nước thải phải có hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung và khử trùng đạt QCVN 14:2008/BTN-MT trước khi xả ra hệ thống thoát nước bên ngoài.

- Nước thải sau khi xử lý là loại nước ngọt, tái sử dụng cho các mục đích: phục vụ nông nghiệp, dự phòng cứu hỏa...

- Chất lượng nước thải sinh hoạt sau khi xử lý phải đạt các tiêu chuẩn Việt Nam có hiệu lực: QCVN 08:2008 (Chất lượng nước - Tiêu chuẩn chất lượng nước mặt); TCVN 7222 - 2002 Yêu cầu chung về môi trường, các trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung và QCVN: 14:2008/BTN-MT ở khu vực chưa có TXLNT tập trung.

7.5.2. Chất thải rắn

- Giai đoạn đến năm 2030 là 0,80 kg/người.ngày đêm; chỉ tiêu thu gom 100%.

Chất thải rắn công cộng bằng 30% rác sinh hoạt. Tổng lượng CTR: 8,00 tấn/ngày.

- Thành lập đội vệ sinh môi trường thu gom CTR.

- Các điểm tập kết CTR sinh hoạt tại các thôn được bố trí trong bán kính không quá 100m, trang bị các thùng đựng CTR công cộng loại 0,5 m³ và xe đẩy tay cho các thôn để thu gom và vận chuyển CTR từ các điểm tập kết đến điểm trung chuyển.

- Toàn xã bố trí 01 điểm tập kết chất thải rắn tập trung với quy mô khoảng 0,1ha.

7.5.3. Nghĩa trang

- Giai đoạn đến năm 2030: chỉ tiêu 0,04ha/1000 người.
- Tổng diện tích đất nghĩa trang quy hoạch cho toàn xã là: 1,77ha.
- Tuyên truyền, giải thích cho người dân dần thích nghi với tập quán chôn cất tập trung vì môi trường sức khỏe của cộng đồng.
- Dự kiến khu nghĩa trang được xây dựng theo mẫu chung phù hợp với tập quán tâm linh của người dân, có cổng, tường rào bao quanh. Trong nghĩa trang trồng cây xanh, có đường đi, mộ xây có hàng lối, có bộ phận quản trang.

7.6 Quy hoạch viễn thông thụ động

- Phát triển, nâng cao chất lượng mạng bưu chính, kết hợp cung cấp các dịch vụ công ích với các dịch vụ thương mại đáp ứng nhu cầu phát triển xã hội.
- Tăng cường triển khai đồng bộ các hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân trên tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế xã hội.
- Nâng cấp công nghệ chuyển mạch. Phát triển mạnh hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin theo hướng hiện đại, tốc độ cao, băng thông rộng, đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng, ứng dụng hiệu quả công nghệ điện toán đám mây cập nhật xu hướng của thế giới.
- Xây dựng mạng truyền dẫn đồng bộ, có tính dự phòng đảm bảo an toàn khi nhu cầu tăng đột biến vào dịp lễ hội hoặc khi có thiên tai, sự cố xảy ra.
- Xây dựng cơ sở hạ tầng thông tin đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt, không bị nghẽn mạng, mất mạng.

8. Đề xuất giải pháp bảo vệ môi trường

Đánh giá tác động dự án đến môi trường nước, môi trường đất, không khí, tiếng ồn và chấn động, Chất thải rắn, môi trường sức khỏe cộng đồng. Đề xuất biện pháp giảm nhẹ tác động môi trường.

9. Dự kiến chương trình, dự án ưu tiên đầu tư

(Chi tiết theo thuyết minh kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ban hành Quy định quản lý xây dựng theo Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Gia Cát, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021-2030, tỷ lệ 1/10.000 kèm theo Quyết định này.

2. Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các đơn vị liên quan cập nhật các nội dung quy hoạch chi tiết đã phê duyệt vào quy hoạch sử dụng đất và các đồ án quy hoạch có liên quan.

3. UBND xã Gia Cát tổ chức công bố công khai Đồ án quy hoạch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày đồ án được phê duyệt.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện; Chủ tịch UBND xã Gia Cát; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Xây dựng (B/cáo);
- CT, PCT UBND huyện;
- Văn phòng ĐPXDNTM huyện;
- UBND xã Gia Cát;
- C, PCVP;
- Lưu: VT, KT&HT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Mạnh Cường